

CONFIDENTIAL/BẢO MẬT

State of Minnesota
Tiểu bang Minnesota

Tax Court
Toà Án Thuế

County/*Quận*

Judicial District: _____

Khu vực pháp lý

Court File Number: _____

Số hồ sơ toà án

Case Type/*Loại vụ kiện*:

Appellant/Petitioner

Người kháng cáo/Nguyên đơn

vs/với

**Affidavit for Proceeding
In Forma Pauperis
*Tuyên Thệ Xin Tiến Hành Tố Tụng
Với Tư Cách Người Nghèo Túng***

Appellee/Respondent

Người bị kháng cáo/Bị đơn

(Minn. Stat. § 563.01)

(Đạo Luật Minnesota Mục 563.01)

1. I am a party in this action. I am a natural person (not a corporation, partnership, or other entity). In good faith, I request a court order waiving court fees and costs. I cannot support my family and myself and also pay or give security for costs.
Tôi là một bên trong vụ kiện này. Tôi là một thể nhân (không phải là công ty, công ty hợp danh hay một thực thể khác). Với sự thiện chí, tôi muốn xin toà án cho miễn án phí và lệ phí. Tôi không thể nuôi gia đình và bản thân và cũng không thể thanh toán hoặc bảo đảm thanh toán các chi phí.
2. I believe that I have valid reasons for pursuing this action. My pleadings (the Petition, Notice of Appeal, or other pleading) are attached.
Tôi tin rằng tôi có lý do chính đáng để theo đuổi vụ kiện này. Đính kèm sau đây là những thỉnh cầu của tôi (Đơn Kiến Nghị, Thông Báo Kháng Cáo, hoặc những thỉnh cầu khác)
3. a. ☐ I am receiving public assistance under one or more of the following **means-tested** programs/*Tôi đang nhận được hỗ trợ công cộng thuộc một hoặc nhiều chương trình hỗ trợ có thẩm định tài chính sau:*
 - ☐ MSA (Minnesota Supplemental Assistance Programs);
MSA (Chương Trình Hỗ Trợ Bổ Sung Minnesota)
 - ☐ MFIP (Minnesota Family Investment Program);
MFIP (Chương Trình Đầu Tư Gia Đình Minnesota)
 - ☐ Food Stamps;
Tem Phiếu Thực Phẩm
 - ☐ General Assistance or Discretionary Work Program;
Chương Trình Giờ Làm Việc Linh Hoạt hoặc Hỗ Trợ Chung
 - ☐ MinnesotaCare, Medical Assistance, or General Assistance Medical Assistance;
MinnesotaCare, Hỗ Trợ Y Tế, hoặc Chăm Sóc Y Tế Thuộc Hỗ Trợ Chung;
 - ☐ Energy Assistance;
Hỗ Trợ Năng Lượng
- b. ☐ I am receiving public assistance under some other means-tested program: (Name the program)

CONFIDENTIAL/BẢO MẬT

I have attached proof that I receive public assistance (such as MFIP card or cancelled check from agency) **or I will provide proof if requested.**

Tôi đang nhận được hỗ trợ công cộng thuộc một số chương trình hỗ trợ có thẩm định tài chính khác: (Nêu tên chương trình)

Tôi có kèm theo bằng chứng về việc tôi nhận được hỗ trợ công cộng (chẳng hạn như thẻ MFIP hoặc séc bị hủy từ cơ quan) **hoặc tôi sẽ cung cấp bằng chứng nếu được yêu cầu.**

- c. ☐ I receive Supplemental Security Income (SSI) as a resource for meeting my expenses.
Tôi nhận được Thu Nhập An Sinh Bổ Sung (SSI) như một nguồn để trang trải các chi phí.

4. ☐ I am represented by attorney/Tôi được đại diện bởi luật sư _____
on behalf of/thay mặt cho _____
a civil legal services program or volunteer attorney program, based on indigency/một
chương trình dịch vụ pháp lý dân sự hoặc chương trình luật sư tình nguyện, dựa trên tình
trạng nghèo túng.
5. My family size is/Quy mô của gia đình tôi là _____. (Include yourself, your spouse,
your minor children, and other dependents in your household.) For my family size, I counted
myself and (list all others)/(Bao gồm bản thân quý vị, vợ/chồng quý vị, con cái vị thành niên
và những người phụ thuộc khác trong gia đình quý vị.) Đối với quy mô gia đình của mình, tôi
tính bản thân tôi và (liệt kê tất cả những người khác):

Name/Tên	Age/Tuổi	Relationship to you/Quan hệ với quý vị

6. ☐ My gross **annual** family income (before taxes and deductions) is/Tổng thu nhập gộp **hàng năm** của gia đình tôi (trước thuế và các khoản khấu trừ) là \$_____ which is less than
125% of the Federal Poverty Line for my family size of/thấp hơn 125% mức Chuẩn Nghèo
Liên Bang dành cho quy mô gia đình gồm _____ members/thành viên. **I have attached
proof of my family income or I will provide proof if requested./Tôi đã đính kèm bằng
chứng về thu nhập của gia đình mình hoặc tôi sẽ cung cấp bằng chứng nếu được yêu cầu.**

7. My gross **monthly** income before taxes and deductions is/Tổng thu nhập gộp **hàng tháng** của
tôi trước thuế và các khoản khấu trừ là \$_____. My net (take home) **monthly** income is/
Thu nhập ròng (mang về nhà) **hàng tháng** của tôi là \$_____, and the source of that
income is/và nguồn gốc của thu nhập đó là: ☐ Job/Wages
Công việc/Tiền lương

☐ Unemployment ☐ Spousal Support ☐ Trust Income ☐ Social Security
Trợ cấp thất nghiệp Cấp dưỡng vợ/chồng Thu nhập từ quỹ ủy thác An sinh xã hội
☐ Other/Khác: _____

8. My spouse's gross **monthly** income before taxes and deductions is/Tổng thu nhập gộp **hàng tháng**
tháng của vợ/chồng tôi trước thuế và các khoản khấu trừ là \$_____
My spouse's net (take home) **monthly** income is/Thu nhập ròng (mang về nhà) **hàng tháng**
của vợ/chồng tôi là \$_____, and the source of that income is/và nguồn gốc của
thu nhập đó là _____; OR, I do not know my spouse's income
because/HOẶC, tôi không biết thu nhập của vợ/chồng tôi vì:

CONFIDENTIAL/BẢO MẬT

OR/HOẶC ☐ I am not married/Tôi chưa kết hôn.

9. All other family members and dependents living with me have net monthly income as follows/Tất cả các thành viên khác trong gia đình và những người phụ thuộc sống với tôi có thu nhập ròng hàng tháng như sau:

Name of person <i>Tên người</i>	Age <i>Tuổi</i>	Net (take home) monthly income <i>Thu nhập ròng (mang về nhà) hàng tháng</i>	Source of that income <i>Nguồn gốc của thu nhập đó</i>

10. I receive/Tôi nhận được \$_____ per month in child support (includes medical support and/or child care support)/mỗi tháng tiền cấp dưỡng nuôi con (bao gồm cấp dưỡng y tế và/hoặc cấp dưỡng chăm sóc con cái).
11. I pay/Tôi trả \$_____ per month in court-ordered child support (includes medical support and/or child care support)/mỗi tháng tiền cấp dưỡng nuôi con theo lệnh của tòa án (bao gồm cấp dưỡng y tế và/hoặc cấp dưỡng chăm sóc con cái).
12. I pay/Tôi trả \$_____ per month in court-ordered spousal support/mỗi tháng tiền cấp dưỡng vợ chồng theo lệnh của tòa án.
13. I pay/Tôi trả \$_____ per month for/mỗi tháng cho ☐ rent/tiền thuê nhà
☐ mortgage payment/khoản trả góp vay thế chấp.

14. I own: Cash \$_____
- Tôi sở hữu Tiền mặt*
- Checking, savings, and credit union accts \$_____
- Tài khoản thanh toán, tiết kiệm và liên hiệp tín dụng*
- Cars, other vehicles (list make, year, and equity value [market value minus unpaid loans])
- Ô tô, các loại xe khác (nêu hãng, năm và giá trị vốn chủ sở hữu [giá trị thị trường trừ đi các khoản vay chưa thanh toán])*
- _____ \$_____
- _____ \$_____
- Real Estate (market value minus unpaid mortgage/loans)
- Bất động sản (giá trị thị trường trừ đi các khoản vay/thế chấp) chưa thanh toán*
- Homestead/Nhà cửa vườn tược: \$_____
- Other Real Estate/Bất động sản khác: \$_____
- Other personal property (jewelry, stocks, bonds, etc. - list separately)
- Tài sản cá nhân khác (đồ trang sức, cổ phiếu, trái phiếu, v.v. - liệt kê riêng)*
- _____ \$_____
- _____ \$_____

15. I am presently/Tôi hiện đang mắc nợ \$_____ in debt, excluding car loans and real estate mortgage/loans./không bao gồm các khoản vay mua ô tô và khoản vay/thế chấp mua bất động sản.

Other factors which support your request are (explain unusual medical expenses, emergencies, reasons that the family money is not available to you, or other circumstances to help the Judge understand your situation)/Các yếu tố khác hỗ trợ cho yêu cầu của quý vị là (giải thích các chi phí y tế bất thường, trường hợp khẩn cấp, lý do gia đình không có sẵn tiền cho quý vị hoặc các trường hợp khác để giúp Thẩm phán hiểu hoàn cảnh của quý vị):

CONFIDENTIAL/BẢO MẬT

By signing this Affidavit, I am certifying that these statements are true under penalty of perjury. I understand that if I provide false information on the form it may lead to criminal charges. I understand that failure to execute the form or failure to provide information or requested records may result in denial of my motion to proceed In Forma Pauperis. I am authorizing that the facts contained in this Affidavit may be verified by any means required.

Bằng việc ký vào Bản Tuyên Thệ này, tôi xác nhận rằng những tuyên bố này là đúng sự thật và sẽ bị phạt nếu khai man. Tôi hiểu rằng nếu tôi cung cấp thông tin sai trên mẫu đơn, điều đó có thể dẫn đến cáo buộc hình sự. Tôi hiểu rằng việc không thực hiện mẫu đơn hoặc không cung cấp thông tin hoặc hồ sơ yêu cầu có thể dẫn đến việc tôi bị từ chối đề nghị tiến hành tố tụng với tư cách người nghèo túng. Tôi cho phép các dữ kiện trong Bản Tuyên Thệ này được xác minh bằng bất kỳ cách nào cần thiết.

Dated: _____
Ngày _____

Signature/Chữ ký

County and state where signed
Tên quận và tiểu bang nơi ký tên

Name: _____
Tên _____
Address: _____
Địa chỉ _____
City/State/Zip: _____
Thành phố/Tiểu bang/Mã bưu chính _____
Telephone: (____) _____
Điện thoại _____
E-mail address: _____
Địa chỉ email _____